

Số: **25** /TB-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Ninh, ngày **10** tháng **01** năm 2026

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026;
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang (**Mã trường DBG**) thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026, như sau:

1. NGÀNH ĐÀO TẠO, CHỈ TIÊU TUYỂN SINH DỰ KIẾN

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển (dùng cho cả 2 phương thức)
Nhóm các ngành: Công nghệ - Kỹ thuật; Kế toán - Kinh tế - Kinh doanh; Ngôn ngữ				
1	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành:</i> - Trí tuệ nhân tạo (AI) và Robotics - Big Data & Machine Learning (Dữ liệu lớn và Học máy) - Truyền thông dữ liệu và mạng máy tính (Data Communication and Computer Networks)	7480201	70	1. Toán + Vật lý + Hóa học/Ngoại ngữ 2. Toán + Vật lý + Công nghệ/Tin học/Ngữ văn 3. Toán + Ngữ văn + Ngoại ngữ/Địa lý/Lịch sử 4. Toán + Ngoại ngữ + GD&ĐT&PL
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	100	
3	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	100	
4	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	150	
5	Công nghệ thực phẩm (<i>chuyên ngành:</i> - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ và kinh doanh thực phẩm)	7540101	50	1. Toán + Vật lý + Hóa học/Ngoại ngữ 2. Toán + Hóa học + Sinh học/Ngoại ngữ/Công nghệ 3. Toán + Ngữ văn + Ngoại ngữ/Lịch sử/GD&ĐT&PL 4. Toán + Lịch sử + Địa lý
6	Thương mại điện tử (<i>chuyên ngành:</i> - Digital Marketing - Phân tích dữ liệu kinh doanh số - Ứng dụng AI trong TMĐT)	7340122	70	1. Toán + Vật lý + Hóa học/Ngoại ngữ 2. Toán + Ngữ văn + Ngoại ngữ/Tin học/GD&ĐT&PL/Lịch sử/Địa lý 3. Toán + Ngoại ngữ + GD&ĐT&PL 4. Toán + Lịch sử + Địa lý
7	Kế toán (<i>chuyên ngành:</i> - Kế toán Doanh nghiệp - Kiểm toán)	7340301	100	
8	Quản trị kinh doanh (<i>chuyên ngành:</i> - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Kinh doanh số - Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành - Quản trị kinh doanh)	7340101	100	
9	Kinh tế (<i>chuyên ngành:</i> - Kinh tế số - Phân tích dữ liệu kinh tế - Kinh tế tài chính)	7310101	50	
10	Quản lý kinh tế (<i>chuyên ngành:</i> - Quản lý công và chính sách - Quản lý dự án và đầu tư)	7310110	50	



TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển (dùng cho cả 2 phương thức)
11	Ngôn ngữ Trung Quốc (chuyên ngành: - Biên - Phiên dịch (Translation & Interpretation) - Giảng dạy tiếng Trung (Teaching Chinese as a Foreign Language - TCFL) - Tiếng Trung thương mại (Business Chinese)	7220204	320	1. Ngoại ngữ + Toán + Địa lý/Lịch sử/GDKT&PL/Vật lý 2. Ngữ văn + Toán + Ngoại ngữ/GDKT&PL/Địa lý/ Lịch sử 3. Lịch sử + Địa lí + Toán
12	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành: - Song ngữ Anh - Trung (English - Chinese Bilingual Studies) - Biên - Phiên dịch (Translation & Interpretation) - Giảng dạy tiếng Anh (TESOL - Teaching English to Speakers of Other Languages)	7220201	60	
Nhóm các ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp; Tài nguyên - Môi trường				
13	Bảo vệ thực vật (chuyên ngành: - Bảo vệ thực vật (Bác sỹ cây trồng) - Công nghệ vi sinh trong bảo vệ thực vật - Ứng dụng công nghệ thông minh trong bảo vệ thực vật)	7620112	30	1. Toán + Vật lý + Hóa học/Ngoại ngữ 2. Toán + Hóa học + Ngoại ngữ/Sinh học 3. Toán + Sinh học + Ngoại ngữ/Công nghệ/GDKT&PL 4. Toán + Ngữ văn + Lịch sử 5. Toán + Lịch sử + Địa lý
14	Khoa học cây trồng (chuyên ngành: - Tổ chức sản xuất giống cây trồng - Hoa cây cảnh và thiết kế cảnh quan - Khoa học cây trồng)	7620110	30	
15	Nông nghiệp (chuyên ngành: - Nông nghiệp thông minh và bền vững - Quản lý và vận hành hệ thống thiết bị nông nghiệp - Tư vấn kỹ thuật nông nghiệp)	7620101	30	
16	Chăn nuôi (chuyên ngành: - Chăn nuôi - Công nghệ chăn nuôi - Chăn nuôi - Thú y)	7620105	30	
17	Thú y (chuyên ngành: - Thú y - Dược thú y - Thú cưng)	7640101	50	
18	Quản lý tài nguyên rừng (chuyên ngành: - Quản lý tài nguyên rừng (kiểm lâm) - Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)	7620211	30	
19	Quản lý đất đai (chuyên ngành: - Quản lý đất đai - Định giá và quản trị bất động sản)	7850103	50	
20	Quản lý tài nguyên và môi trường (chuyên ngành: - Quản lý tài nguyên và môi trường - Quản lý môi trường và du lịch sinh thái)	7850101	30	1. Toán + Vật lý + Hóa học/Ngoại ngữ 2. Toán + Ngữ văn + Ngoại ngữ/Lịch sử/Địa lý/GDKT&PL 3. Toán + Hóa học + Ngoại ngữ/Công nghệ 4. Toán + Lịch sử + Địa lý

2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Là công dân Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh (dự kiến)

2.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

Theo quy định của Bộ GD&ĐT tại Điều 8 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 và quy định của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Tốt nghiệp THPT;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng theo ngành phù hợp với môn thi;
- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2026

- Tốt nghiệp THPT;
- Tổng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (bao gồm cả điểm ưu tiên) của tổ hợp môn xét tuyển dự kiến đạt từ 15,0 điểm trở lên (sẽ có thông báo chính thức ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường).

2.3.3. Phương thức 3: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương căn cứ vào kết quả học tập năm lớp 12 bậc THPT

- Tốt nghiệp THPT;
- Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 bậc THPT (bao gồm cả điểm ưu tiên) của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển dự kiến đạt từ 18,0 điểm trở lên (sẽ có thông báo chính thức ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường).

3. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu tại website: bafu.edu.vn);
- Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026);
- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026; Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026;
- Bản sao công chứng học bạ THPT;
- Bản sao hoặc bản phô tô công chứng giấy khai sinh;
- Bản sao công chứng thẻ căn cước công dân.

4. THỜI GIAN, CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN

4.1. Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển dự kiến

4.1.1. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển học bạ

- Đợt 1: Nộp hồ sơ xét tuyển trước ngày 01/7/2026 (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026).
- Đợt 2: Nộp hồ sơ xét tuyển từ 01/7/2026 đến hết ngày 12/8/2026 (dự kiến).
- Các đợt tiếp theo (nếu có) sẽ thông báo công khai trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

4.1.2. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2026

- Đợt 1: Thí sinh phải đăng ký bằng hình thức trực tuyến qua cổng thông tin của Bộ GD&ĐT (<http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>). Thời gian đăng ký xét tuyển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT năm 2026.

- Các đợt xét tuyển bổ sung: Sau khi kết thúc xét tuyển đợt 1, trường hợp còn chỉ tiêu, Nhà trường thông báo kế hoạch xét tuyển bổ sung và công khai trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển online trên Website của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang tại địa chỉ <http://bafu.edu.vn/dangkyonline>.



4.2. Cách thức nộp hồ sơ xét tuyển

Thí sinh có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc nộp qua đường bưu điện theo địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác đào tạo, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.

5. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1: 20.000đ/nguyên vọng đăng ký xét tuyển (theo quy định của Bộ GD&ĐT).

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ) và xét tuyển từ đợt 2 (nếu có): 30.000đ/hồ sơ đăng ký xét tuyển.

6. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

- Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác đào tạo (Phòng 104, Tầng 1, Toà nhà A1) Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 0204.3874.387; Hotline: 0363.074.886

- Website: <http://bafu.edu.vn/tuyensinh>.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Mai Thị Huyền